BỘ TÀI CHÍNH	CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
	Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 988/QĐ-BTC	*Hà Nội, ngày 10 tháng 6 năm 2019*

QUYẾT ĐỊNH
Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Cục Quản lý nợ và Tài chính đối ngoại

BỘ TRƯỞNG BỘ TÀI CHÍNH

Căn cứ Nghị định số 123/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 9 năm 2016 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ, cơ quan ngang Bộ;

Căn cứ Nghị định số 87/2017/NĐ-CP ngày 26 tháng 7 năm 2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài chính;

Xét đề nghị của Cục trưởng Quản lý nợ và Tài chính đối ngoại, Vụ trưởng Vụ Tổ chức cán bộ,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Vị trí và chức năng

Cục Quản lý nợ và Tài chính đối ngoại là tổ chức thuộc Bộ Tài chính, có chức năng giúp Bộ trưởng Bộ Tài chính thống nhất quản lý nhà nước về vay, trả nợ của Chính phủ, của chính quyền địa phương, nợ được Chính phủ bảo lãnh (sau đây gọi chung là "nợ công"); quản lý nhà nước về tài chính đối với các nguồn viện trợ của nước ngoài và của các tổ chức quốc tế cho Việt Nam; cho vay và viện trợ của Nhà nước, Chính phủ Việt Nam cho nước ngoài; thực hiện vai trò đại diện Chính phủ và Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam trong các quan hệ tài chính với nước ngoài và các tổ chức tài chính quốc tế; làm đầu mối tổ chức thực hiện công tác xếp hạng tín nhiệm quốc gia với các tổ chức xếp hạng tín nhiệm quốc tế.

Cục Quản lý nợ và Tài chính đối ngoại có tư cách pháp nhân, con dấu riêng, được mở tài khoản tại Kho bạc Nhà nước và ngân hàng theo quy định của pháp luật.

Cục Quản lý nợ và Tài chính đối ngoại có tên giao dịch quốc tế bằng tiếng Anh là: Department of Debt Management and External Finance (viết tắt là DMEF).

LuatVietnam
Tiện ích văn bản luật

Điều 2. Nhiệm vụ và quyền hạn

1. Trình Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành hoặc trình Bộ trưởng Bộ Tài chính để trình cấp có thẩm quyền ban hành các văn bản quy phạm pháp luật, cơ chế, chính sách và quy chế trong các lĩnh vực:

a) Quản lý vay, trả nợ công và nợ nước ngoài của quốc gia thuộc phạm vi quản lý của Bộ Tài chính;

b) Quản lý tài chính đối với nguồn vốn vay hỗ trợ phát triển chính thức (ODA), vốn vay ưu đãi và vay thương mại nước ngoài của Chính phủ;

c) Cấp và quản lý bảo lãnh của Chính phủ đối với các khoản vay, khoản phát hành trái phiếu;

d) Quản lý tài chính đối với nguồn vốn viện trợ không hoàn lại của nước ngoài và của các tổ chức quốc tế cho Việt Nam;

đ) Quản lý tài chính đối với nguồn vốn cho vay, viện trợ của Nhà nước, Chính phủ Việt Nam cho nước ngoài;

e) Quản lý rủi ro đối với nợ công.

2. Về quản lý vay, trả nợ công và nợ nước ngoài của quốc gia:

2.1. Công tác xây dựng và tổ chức thực hiện chiến lược, kế hoạch vay, trả nợ công và nợ nước ngoài của quốc gia:

a) Chủ trì, phối hợp với các đơn vị liên quan xây dựng, trình Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành hoặc để trình cấp có thẩm quyền ban hành và tổ chức thực hiện các công cụ quản lý nợ công trong từng thời kỳ, bao gồm: kế hoạch vay, trả nợ công 05 năm, các chỉ tiêu an toàn nợ công; chương trình quản lý nợ công 03 năm trung hạn; kế hoạch vay, trả nợ công hàng năm theo quy định của Luật Quản lý nợ công và Luật Ngân sách Nhà nước;

b) Giám sát việc thực hiện các chỉ tiêu an toàn nợ và các hạn mức vay nợ hàng năm được cấp có thẩm quyền quyết định. Phân tích, đánh giá thường xuyên và định kỳ về tính an toàn, bền vững nợ công và kiến nghị các biện pháp đảm bảo an toàn nợ theo quy định của Luật Quản lý nợ công;

c) Chủ trì phối hợp với các đơn vị có liên quan đề xuất các biện pháp quản lý danh mục nợ công, xây dựng và tổ chức thực hiện Đề án cơ cấu lại nợ nước ngoài của Chính phủ; phối hợp với các đơn vị có liên quan xây dựng và tổ chức thực hiện Đề án cơ cấu lại nợ trong nước của Chính phủ;

d) Tham mưu cho Bộ trưởng Bộ Tài chính trong việc tổng hợp nợ nước ngoài của quốc gia và phối hợp với các cơ quan liên quan trong việc giám sát nợ nước ngoài của quốc gia.

2.2. Công tác quản lý vay nước ngoài của chính phủ:

a) Chủ trì, phối hợp với các đơn vị có liên quan tham mưu giúp Bộ tham gia với các cơ quan liên quan xây dựng chiến lược, quy hoạch, vận động, sử dụng và điều phối nguồn vốn vay nước ngoài;

LuatVietnam
Tiện ích văn bản luật

b) Xác định thành tố ưu đãi, đánh giá tác động của khoản vay mới đối với các chỉ tiêu an toàn nợ công báo cáo Bộ báo cáo Thủ tướng Chính phủ;

c) Chủ trì, phối hợp với các đơn vị có liên quan góp ý đề xuất khoản vay, đề xuất chương trình, dự án sử dụng vốn vay nước ngoài;

d) Chủ trì, phối hợp với các đơn vị có liên quan tham gia ý kiến trong quá trình chuẩn bị, thẩm định, quyết định đầu tư, điều chỉnh quyết định đầu tư các chương trình, dự án dự kiến sử dụng vốn vay ODA, vay ưu đãi nước ngoài của Chính phủ;

đ) Chủ trì tổ chức đàm phán, ký kết theo ủy quyền của Bộ trưởng Bộ Tài chính, hoặc tham mưu trình Bộ trưởng Bộ Tài chính ký kết các hiệp định khung, hiệp định cụ thể về vốn vay ODA, vốn vay ưu đãi, vốn ODA không hoàn lại cho chương trình, dự án sử dụng vốn vay ODA, vốn vay ưu nước ngoài nhân danh Nhà nước và Chính phủ; các thỏa thuận huy động vốn trên thị trường vốn quốc tế; các thỏa thuận về xử lý hoặc cơ cấu lại các khoản nợ nước ngoài của Chính phủ theo quy định của pháp luật;

e) Xây dựng Đề án phát hành trái phiếu Chính phủ trên thị trường vốn quốc tế, báo cáo Bộ trình cấp có thẩm quyền; tổ chức huy động vốn thông qua phát hành trái phiếu Chính phủ trên thị trường vốn quốc tế theo Đề án được cấp có thẩm quyền phê duyệt và tổ chức huy động vốn vay nước ngoài thông qua các thỏa thuận vay thương mại của Chính phủ; tham gia ý kiến đối với việc phát hành trái phiếu quốc tế và các hình thức vay khác của các doanh nghiệp, tổ chức kinh tế;

g) Trình Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành các quy định, hướng dẫn nghiệp vụ về quản lý tài chính đối với chương trình, dự án sử dụng vốn ODA, vốn vay ưu đãi và vay thương mại nước ngoài của Chính phủ; tổ chức thực hiện và hướng dẫn, kiểm tra việc thực hiện các quy định, hướng dẫn nghiệp vụ sau khi được phê duyệt; chủ trì hoặc phối hợp với các đơn vị liên quan thuộc Bộ Tài chính xử lý các vấn đề tài chính trong quá trình thực hiện các chương trình, dự án vay vốn ODA, vay ưu đãi và vay thương mại nước ngoài của Chính phủ;

h) Xây dựng hạn mức vay về cho vay lại 05 năm và hàng năm báo cáo Bộ Tài chính để trình Chính phủ quyết định; giám sát việc thực hiện hạn mức vay về cho vay lại được cấp có thẩm quyền phê duyệt;

i) Trình Bộ trưởng Bộ Tài chính quyết định hoặc để trình cấp có thẩm quyền quyết định cơ chế tài chính áp dụng đối với các chương trình, dự án sử dụng vốn vay nước ngoài của Chính phủ, các điều kiện cho vay lại nguồn vốn vay nước ngoài của Chính phủ đối với các chương trình, dự án thuộc đối tượng vay lại nguồn vốn vay nước ngoài của Chính phủ;

k) Lựa chọn Ngân hàng chính sách hoặc tổ chức tín dụng đủ điều kiện theo quy định của pháp luật để uỷ quyền cho vay lại vốn vay nước ngoài của Chính phủ; tổ chức việc cho vay lại trong nước và theo dõi đôn đốc việc thu hồi vốn cho vay lại;

LuatVietnam
Tiện ích văn bản luật

l) Chủ trì thẩm định hoặc tổng hợp kết quả thẩm định cho vay lại trình Bộ trưởng Bộ Tài chính để báo cáo Thủ tướng Chính phủ xem xét quyết định việc cho vay lại;

m) Chủ trì, phối hợp với các đơn vị liên quan thuộc Bộ Tài chính xây dựng kế hoạch sử dụng vốn vay nước ngoài hằng năm (đối với cho vay lại từ nguồn vốn vay ODA, vay ưu đãi nước ngoài của Chính phủ); tham gia với các đơn vị thuộc Bộ Tài chính về kế hoạch tài chính hàng năm (vốn nước ngoài và vốn đối ứng) của các chương trình, dự án vay vốn nước ngoài;

n) Chủ trì, phối hợp với các đơn vị liên quan trong và ngoài Bộ Tài chính đề xuất cơ chế xử lý tài chính đối với các khoản vay lại vốn vay nước ngoài của Chính phủ gặp khó khăn trong trả nợ.

2.3. Công tác quản lý vay trong nước của Chính phủ:

a) Chủ trì, phối hợp với các đơn vị liên quan thuộc Bộ Tài chính xây dựng tổng mức vay trong nước của Chính phủ trong kế hoạch vay, trả nợ công 5 năm, chương trình quản lý nợ công 03 năm và kế hoạch vay, trả nợ công hàng năm;

b) Phối hợp với các đơn vị liên quan thuộc Bộ Tài chính trong công tác xây dựng và thực hiện kế hoạch vay trong nước của Chính phủ hàng năm, hàng quý;

c) Chủ trì, phối hợp với các đơn vị có liên quan thuộc Bộ Tài chính giám sát việc thực hiện các hạn mức vay trong nước của Chính phủ được cấp có thẩm quyền quyết định.

2.4. Công tác quản lý bảo lãnh chính phủ:

a) Chủ trì, phối hợp với các đơn vị liên quan xây dựng hạn mức bảo lãnh Chính phủ 05 năm và hàng năm báo cáo Bộ trưởng Bộ Tài chính để trình Chính phủ quyết định;

b) Chủ trì tổ chức thẩm định đề xuất chủ trương, đề xuất cấp bảo lãnh Chính phủ đối với khoản vay, phát hành trái phiếu của doanh nghiệp; tham gia ý kiến về thỏa thuận vay, phương án phát hành trái phiếu của doanh nghiệp; kiến nghị việc cấp và tổ chức quản lý bảo lãnh Chính phủ đối với các khoản vay, phát hành trái phiếu của doanh nghiệp theo quy định của pháp luật về cấp và quản lý bảo lãnh của Chính phủ;

Phối hợp với Vụ Tài chính các ngân hàng và tổ chức tài chính tổ chức thẩm định đề xuất chủ trương, đề xuất cấp bảo lãnh Chính phủ đối với phương án phát hành trái phiếu của các ngân hàng chính sách;

c) Thực hiện cấp bảo lãnh Chính phủ theo quyết định của Thủ tướng Chính phủ; giám sát thực hiện hạn mức bảo lãnh Chính phủ hàng năm, bao gồm cả hạn mức phát hành trái phiếu được chính phủ bảo lãnh của Ngân hàng phát triển Việt Nam và Ngân hàng Chính sách xã hội theo quy định của pháp luật về cấp và quản lý bảo lãnh của Chính phủ;

LuatVietnam
Tiện ích văn bản luật

d) Chủ trì, phối hợp với các đơn vị liên quan trong và ngoài Bộ Tài chính đề xuất cơ chế xử lý tài chính đối với các khoản vay, khoản phát hành trái phiếu được Chính phủ bảo lãnh gặp khó khăn trong trả nợ theo quy định của pháp luật.

2.5. Công tác quản lý vay nợ của chính quyền địa phương:

a) Trình Bộ ban hành quyết định công bố tỷ lệ cho vay lại vốn vay ODA, vốn vay ưu đãi nước ngoài của Chính phủ cho các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;

b) Chủ trì, phối hợp với các đơn vị thuộc Bộ Tài chính thực hiện cho vay lại, giám sát và thu hồi nợ đối với nguồn vốn vay nước ngoài của Chính phủ cho chính quyền địa phương;

c) Phối hợp với các đơn vị thuộc Bộ Tài chính giám sát việc vay, trả nợ của chính quyền địa phương; phối hợp cho ý kiến về điều kiện, điều khoản của trái phiếu tại Đề án phát hành trái phiếu chính quyền địa phương.

2.6. Công tác giải ngân

Tổ chức thực hiện, giám sát và báo cáo đánh giá công tác giải ngân và sử dụng nguồn vốn vay nước ngoài của Chính phủ theo quy định.

2.7. Công tác trả nợ

a) Chủ trì, phối hợp với các đơn vị liên quan thuộc Bộ xây dựng kế hoạch trả nợ của Chính phủ;

b) Tổ chức và hướng dẫn thực hiện trả nợ nước ngoài của Chính phủ; tổ chức trả nợ đối với các khoản nghĩa vụ nợ dự phòng phát sinh từ nghĩa vụ của người bảo lãnh.

2.8. Công tác kế toán, kiểm toán, thống kê, báo cáo, công bố thông tin về nợ công:

a) Tổ chức thực hiện kế toán vay nợ nước ngoài của Chính phủ; thống kê và tổng hợp số liệu về vay và trả nợ công; quản lý cơ sở dữ liệu về nợ công; thống kê theo dõi các khoản nợ cho vay lại và bảo lãnh Chính phủ; tổ chức thu thập, chia sẻ và công bố thông tin về nợ công theo quy định của pháp luật;

b) Tổng hợp và định kỳ trình Bộ trưởng Bộ Tài chính để báo cáo cấp có thẩm quyền về tình hình vay, quản lý, sử dụng vốn vay, trả nợ công và nợ nước ngoài của quốc gia;

c) Phối hợp với Kiểm toán Nhà nước trong công tác kiểm toán liên quan đến huy động, quản lý sử dụng nợ công;

d) Là đầu mối cung cấp, trao đổi thông tin về tình hình nợ công với các tổ chức tài chính quốc tế, đại diện chính phủ nước ngoài và các tổ chức khác có liên quan ở trong nước và ngoài nước.

2.9. Công tác quản lý Quỹ tích lũy trả nợ:

Tổ chức quản lý Quỹ tích lũy trả nợ theo quy định của pháp luật.

LuatVietnam
Tiện ích văn bản luật

3. Về quản lý tài chính đối với các nguồn viện trợ quốc tế:

a) Chủ trì xây dựng kế hoạch thu, chi ngân sách nhà nước từ nguồn viện trợ nước ngoài cho Nhà nước, Chính phủ để tổng hợp trong dự toán ngân sách nhà nước hàng năm; thực hiện chức năng quản lý tài chính nhà nước đối với vốn viện trợ nước ngoài theo quy định của pháp luật; tổng hợp số liệu giải ngân vốn viện trợ nước ngoài thuộc thẩm quyền quản lý hàng quý, hàng năm báo cáo Bộ trưởng Bộ Tài chính; phối hợp với Kho bạc Nhà nước hạch toán vốn viện trợ nước ngoài vào ngân sách nhà nước;

b) Chủ trì báo cáo Bộ trưởng Bộ Tài chính để tham gia với Bộ Kế hoạch và Đầu tư trình Thủ tướng Chính phủ về chủ trương tiếp nhận các khoản viện trợ nước ngoài thuộc thẩm quyền phê duyệt của Thủ tướng Chính phủ; tham gia với cơ quan chủ quản về việc tiếp nhận khoản viện trợ nước ngoài thuộc thẩm quyền phê duyệt của cơ quan chủ quản theo quy định của pháp luật;

c) Tham gia với Uỷ ban công tác về các tổ chức phi chính phủ nước ngoài và các cơ quan liên quan về công tác vận động, đánh giá tình hình và hiệu quả của các nguồn viện trợ phi chính phủ nước ngoài;

d) Chủ trì hoặc tham gia theo dõi, kiểm tra, giám sát công tác quản lý tài chính và tuân thủ các quy định về quản lý tài chính trong việc sử dụng viện trợ nước ngoài của các chương trình, dự án sử dụng viện trợ không hoàn lại của nước ngoài;

đ) Đối chiếu, thẩm định số liệu hạch toán ngân sách nhà nước các khoản viện trợ nước ngoài cho các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, các cơ quan khác thuộc Trung ương và các hội/đoàn thể để gửi các đơn vị liên quan phục vụ công tác quyết toán ngân sách nhà nước hàng năm; đối chiếu số liệu hạch toán viện trợ nước ngoài bổ sung cho ngân sách địa phương với các Sở Tài chính.

4. Về quản lý vốn viện trợ, cho vay và hợp tác của Nhà nước, Chính phủ Việt Nam với nước ngoài:

a) Tham gia với các đơn vị liên quan trong và ngoài Bộ để xây dựng dự toán vốn viện trợ trong ngân sách nhà nước; chủ trì, phối hợp với các đơn vị liên quan trong Bộ đề xuất phương án huy động, bố trí nguồn vốn để cho vay và hợp tác tài chính với nước ngoài theo chỉ đạo của Chính phủ; tổ chức thực hiện cấp vốn viện trợ, cho vay và hợp tác theo đúng cam kết của Chính phủ; kiểm tra hoặc tham gia kiểm tra việc sử dụng các nguồn vốn viện trợ, cho vay và hợp tác đối với các đơn vị Việt Nam hoặc các đối tác nước ngoài được giao nhiệm vụ thực hiện các chương trình, dự án sử dụng nguồn vốn này;

b) Tham mưu giúp Bộ trưởng Bộ Tài chính để tham gia ý kiến về hiệp định, thoả thuận hợp tác giữa Chính phủ Việt Nam với Chính phủ các nước; chuẩn bị hiệp định về tài trợ (viện trợ, cho vay và hợp tác tài chính khác) cho

LuatVietnam
Tiện ích văn bản luật

nước ngoài và cử đại diện tham gia vào các Uỷ ban liên Chính phủ theo quy định, quyết định của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ;

c) Tổng hợp, đối chiếu số liệu về vốn viện trợ, cho vay và hợp tác hàng năm và từng thời kỳ của Nhà nước, Chính phủ Việt Nam đối với nước ngoài, làm thủ tục giao dự toán đối với các khoản viện trợ của Chính phủ Việt Nam cho Chính phủ nước ngoài; chủ trì theo dõi thu hồi nợ trong trường hợp cho vay cho phía nước ngoài để hoàn trả nguồn thu xếp vốn hoặc nộp ngân sách nhà nước.

5. Về giúp Bộ trưởng Bộ Tài chính thực hiện vai trò đại diện Chính phủ và Nhà nước Việt Nam trong các quan hệ tài chính với nước ngoài:

a) Tham mưu cho Bộ trưởng Bộ Tài chính thực hiện vai trò đại diện của Chính phủ, Nhà nước Việt Nam tại các tổ chức các tổ chức quốc tế theo sự phân công của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ;

b) Tham mưu cho Bộ trưởng Bộ Tài chính hoặc đại diện cho Bộ Tài chính theo phân công của Bộ trưởng Bộ Tài chính tham gia thành phần của bên Việt Nam trong các Uỷ ban liên Chính phủ, các Nhóm công tác;

c) Tham mưu giúp Bộ trưởng Bộ Tài chính báo cáo cấp có thẩm quyền về việc đóng cổ phần, các khoản đóng góp và niên liễm của Việt Nam tại các tổ chức quốc tế do Bộ Tài chính là đại diện cho Nhà nước, Chính phủ.

6. Về công tác xếp hạng hệ số tín nhiệm quốc gia, đánh giá rủi ro tín dụng quốc gia:

a) Chủ trì, phối hợp với các đơn vị có liên quan trong và ngoài Bộ Tài chính thu thập, thiết lập, duy trì và cập nhật hệ thống thông tin, số liệu cho việc xếp hạng tín nhiệm quốc gia; tham gia giám sát kinh tế vĩ mô của các tổ chức quốc tế đa phương và song phương;

b) Thực hiện công tác quảng bá, gặp gỡ với các nhà đầu tư theo định kỳ hàng năm nhằm tăng cường thông tin về Việt Nam cho nhà đầu tư, tạo điều kiện thuận lợi cho quá trình huy động vốn trên thị trường trong nước và quốc tế;

c) Phối hợp với các tổ chức xếp hạng tín nhiệm, các tổ chức quốc tế trong việc tổ chức các hội nghị, hội thảo trong nước và quốc tế gắn với yêu cầu tăng cường xếp hạng tín nhiệm quốc gia;

d) Là đầu mối làm việc với các tổ chức xếp hạng tín nhiệm và tiếp xúc với các tổ chức tín dụng xuất khẩu (ECA) của các nước OECD để đánh giá rủi ro tín dụng quốc gia.

7. Các nhiệm vụ khác

a) Tổ chức công tác dự báo, kế toán, thống kê, phân tích, thông tin, báo cáo về nợ công thuộc lĩnh vực công tác do Cục quản lý theo quy định của Bộ Tài chính;

LuatVietnam
Tiện ích văn bản luật

b) Tổ chức nghiên cứu khoa học hoặc hợp tác nghiên cứu khoa học với các đơn vị trong và ngoài ngành theo kế hoạch và nội dung đề tài được Bộ trưởng Bộ Tài chính giao;

c) Hướng dẫn, giải đáp các chính sách, chế độ quản lý nhà nước và quản lý tài chính trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn của Cục;

d) Thực hiện các nhiệm vụ khác do Bộ trưởng Bộ Tài chính phân công theo quy định của pháp luật.

Điều 3. Cơ cấu tổ chức

1. Cục Quản lý nợ và Tài chính đối ngoại được tổ chức thành 9 phòng, gồm:

a) Văn phòng Cục;

b) Phòng Kế hoạch và Quản lý rủi ro;

c) Phòng Kế toán nợ và Thống kê;

d) Phòng Quản lý dự án trung ương;

đ) Phòng Quản lý dự án địa phương;

e) Phòng Quản lý nợ đối với các Chính phủ nước ngoài (sau đây gọi là Phòng Quản lý nợ song phương);

g) Phòng Quản lý nợ đối với các tổ chức tài chính quốc tế đa phương (sau đây gọi là Phòng Quản lý nợ đa phương);

h) Phòng Quản lý bảo lãnh Chính phủ và Vay thương mại;

i) Phòng Quản lý viện trợ.

Nhiệm vụ cụ thể của Văn phòng Cục và các phòng thuộc Cục do Cục trưởng Cục Quản lý nợ và Tài chính đối ngoại quy định.

2. Cục Quản lý nợ và Tài chính đối ngoại làm việc theo tổ chức phòng kết hợp với chế độ chuyên viên. Đối với công việc thực hiện theo chế độ chuyên viên, Cục trưởng Cục Quản lý nợ và Tài chính đối ngoại phân công nhiệm vụ cho công chức phù hợp với chức danh, tiêu chuẩn và năng lực chuyên môn để đảm bảo hoàn thành nhiệm vụ được giao.

3. Cục Quản lý nợ và Tài chính đối ngoại được tổ chức bộ máy kế toán và bố trí người làm kế toán để thực hiện công tác kế toán nợ nước ngoài của Chính phủ, kế toán Quỹ tích lũy trả nợ tại Phòng Kế toán nợ và Thống kê và kế toán đơn vị sử dụng ngân sách tại Văn phòng Cục theo quy định của pháp luật và của Bộ Tài chính.

4. Biên chế của Cục Quản lý nợ và Tài chính đối ngoại do Bộ trưởng Bộ Tài chính quyết định.

Điều 4. Lãnh đạo Cục

1. Cục Quản lý nợ và Tài chính đối ngoại có Cục trưởng và không quá 03 Phó Cục trưởng.

LuatVietnam
Tiện ích văn bản luật

2. Lãnh đạo Cục Quản lý nợ và Tài chính đối ngoại được ủy quyền ký thừa lệnh Bộ trưởng Bộ Tài chính các công văn hướng dẫn chính sách, chế độ, các hợp đồng ủy quyền cho vay lại, hiệp định vay phụ, các hợp đồng cho vay lại (trong trường hợp Bộ Tài chính là cơ quan cho vay lại), các hợp đồng gửi tiền của Quỹ tích lũy trả nợ, các chứng từ rút vốn, trả nợ và các văn bản khác thuộc nghiệp vụ chuyên môn của Cục Quản lý nợ và Tài chính đối ngoại.

3. Cục trưởng Cục Quản lý nợ và Tài chính đối ngoại chịu trách nhiệm trước Bộ trưởng Bộ Tài chính về toàn bộ hoạt động của Cục; quản lý công chức, quản lý tài chính và tài sản được giao theo quy định.

4. Phó Cục trưởng Cục Quản lý nợ và Tài chính đối ngoại chịu trách nhiệm trước Cục trưởng về nhiệm vụ được phân công.

Điều 5. Hiệu lực và trách nhiệm thi hành

Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký và thay thế Quyết định số 2328/QĐ-BTC ngày 09/09/2014 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định chức năng nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Cục Quản lý nợ và Tài chính đối ngoại.

Cục trưởng Cục Quản lý nợ và Tài chính đối ngoại, Vụ trưởng Vụ Tổ chức cán bộ, Chánh Văn phòng Bộ Tài chính và Thủ trưởng các tổ chức, đơn vị thuộc Bộ chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./.

Nơi nhận:
- Lãnh đạo Bộ;
- Như Điều 5;
- VPĐU, CĐ;
- Cổng TTĐT Bộ Tài chính;
- Lưu: VT, Vụ TCCB(60b)

BỘ TRƯỞNG

Đinh Tiến Dũng

LuatVietnam
Tiện ích văn bản luật